

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

HUỲNH THỊ ĐIỂM ĐIỂM

DẤU ẤN HIỆN SINH
TRONG THƠ BÙI GIÁNG

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã số: 60.22.34

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Đà Nẵng, Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. NGÔ MINH HIỀN**

Phản biện 1: **TS. PHAN NGỌC THU**

Phản biện 2: **PGS.TS. HỒ THẾ HÀ**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận
văn tốt nghiệp thạc sỹ Khoa học Xã hội và Nhân văn họp
tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 14 tháng 12 năm 2013

Có thể tìm luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Ngay vừa khi ra đời, chủ nghĩa hiện sinh đã đem lại hiệu ứng sôi nổi và sâu rộng trong nhiều lĩnh vực của đời sống, đặc biệt là văn học nghệ thuật. Lấy con người làm trung tâm, làm đối tượng và mục tiêu để hướng tới, chủ nghĩa hiện sinh luôn coi con người là một nhân vị, có thể tự do lựa chọn cách sống của mình, thái độ sống cho cuộc sống.

Ở Việt Nam, chủ nghĩa hiện sinh đã mang đến một sức hút khó cưỡng đối với những người sáng tác văn học. Tư tưởng về nhân vị, tự do, về cuộc sống bất an và âu lo, sự ê chề của kiếp người, sự hoài nghi thực tại, nỗi ám ảnh về sự đổ vỡ đã hiện diện trong những sáng tác nghệ thuật cùng những đau khổ, dằn vặt, lo âu trong cuộc kiếm tìm và lựa chọn tự do của con người.

1.2. Bùi Giáng được coi là một “hiện tượng lạ” của văn học Việt Nam hiện đại. Với hành trình sáng tạo không mệt mỏi và sự nỗ lực vượt thoát chính mình, Bùi Giáng đã tạo nên một phong cách thơ riêng, độc đáo. Là một nhà thơ, Bùi Giáng được coi như “hiện thân của một đạo thơ”, một “thi sĩ sinh ra giữa cỏ cây và sẽ chết đi giữa cỏ cây ly kỳ gây cản”. Thế giới thơ Bùi Giáng là cuộc hành trình khám phá không biết mệt mỏi của người nghệ sĩ nhận chân những giá trị đích thực trong hiện thực cuộc sống để bước đến cái đích cuối cùng của thi ca là cõi sống.

1.3. Bùi Giáng là nhà thơ có tầm tư tưởng lớn. Ông đã tiếp thu một cách trực tiếp và đồng thời các tư tưởng triết lý có nguồn gốc từ các nền văn hóa lớn bên ngoài, khi nó còn đang sống động và đang phát triển.

Bằng trải nghiệm của riêng mình, đi từ cảm nghiệm vong thân đến với tự do, Bùi Giáng đã tạo ra một thế giới thơ đa sắc màu, mang tư tưởng hiện đại pha hợp nhiều nguồn văn học, triết học khác nhau... Đó là nỗi trăn trở về thân phận dẫu bề của con người, nỗi hoài nghi về số kiếp, những trầm luân biến đổi, một cõi trùng sinh di động luân hồi. Trong đó, dấu ấn của chủ nghĩa hiện sinh đã in đậm trong hành trình đời cũng như hành trình thơ của ông. Nó làm nên một bản mệnh đời và bản mệnh thơ rất riêng Bùi Giáng.

Chọn đề tài *Dấu ấn hiện sinh trong thơ Bùi Giáng*, chúng tôi muốn tìm ra cảm quan riêng của nhà thơ khi khám phá thế giới, xã hội và con người; thấy được tầm tư tưởng, và tính nhân văn trong thơ ông. Từ đó có một cái nhìn toàn diện về sự nghiệp thơ ca Bùi Giáng, đồng thời góp phần minh định cho những đóng góp của ông đối với thơ ca nói riêng và tiến trình vận động của văn học Việt Nam nói chung.

2. Lịch sử vấn đề nghiên cứu

2.1. Nghiên cứu về thơ Bùi Giáng nói chung

Hầu hết các nhà nghiên cứu đều đánh giá cao sự nghiệp văn chương Bùi Giáng, ghi nhận những đóng góp của ông đối với nền văn học Việt Nam hiện đại, nhất là ở phương diện ngôn ngữ. Có thể kể đến: Trần Đình Thu, Nguyễn Hưng Quốc, Thụy Khuê, Đỗ Lai Thúy, Bùi Vĩnh Phúc, Cung Tích Biền, Đặng Tiến...

2.2. Nghiên cứu về dấu ấn hiện sinh trong thơ Bùi Giáng

Dấu ấn hiện sinh trong thơ Bùi Giáng được các nhà nghiên cứu nhìn nhận trên nhiều phương diện:

Về tư tưởng, Bùi Công Thuận cho rằng thơ Bùi Giáng là thơ tư tưởng, thể tính của nó là tư tưởng nên phải hiểu bằng tư tưởng chứ không phải bằng câu chữ. Với Võ Công Liem, “Cái hay của thơ Bùi

Giáng là cái siêu lý của một con người hiện sinh. Thơ, văn, họa của ông đã vượt khỏi biên cương ngôn ngữ và nghệ thuật, chữ nghĩa, màu sắc “bấn loạn” của một trí tuệ vượt thoát khỏi cõi phàm”. Nhận định trên khởi phát từ tầm tư tưởng uyên bác, đa nguồn của chính nhà thơ.

Về quan niệm sống, các tác giả đã đi sâu vào đời sống hiện tồn trong thơ Bùi Giáng để đánh giá. Thụy Khuê nhìn nhận: “*Thơ Bùi Giáng hiện sinh trong đoạn trường và định mệnh*”, luôn luôn là những lời vấn đáp lẫn thân về ý nghĩa cuộc đời, về lẽ tồn sinh. Tác giả còn nhận ra sự gặp gỡ của tính chất “bất khả tri” trong triết lý Đông phương và triết học hiện sinh trong thơ Bùi Giáng. Bùi Văn Nam Sơn sau khi phân tích mối quan hệ tay ba: Heidegger - Holderlin - Bùi Giáng, như một nỗ lực góp phần soi sáng quan niệm sống, sáng tác và suy tưởng của Bùi Giáng đã khẳng định: “Đó là một thi sĩ, một triết gia”.

Về thái độ sống, xuất phát từ cái nhìn, cách sống hiện sinh của Bùi Giáng, Nguyễn Hưng Quốc đã có những phát hiện và luận giải khá sắc sảo về những hoài nghi, dằn vặt trong thơ ông. Theo đó, thơ Bùi Giáng là sự: “Xóa nhòa ranh giới giữa các giọng điệu, giữa truyền thống và hiện đại, giữa thơ và phi thơ, giữa cái lý và cái phi lý, giữa cái tôi và cái ta, cái riêng và cái chung, xóa nhòa mọi sự phân biệt, biện biệt”.

PGS TS. Hồ Thế Hà cho rằng: “Những nghịch lý trong sáng tạo nghệ thuật của Bùi Giáng đã làm thành tổng hòa của sự hội tụ chứ không phải là sự phân hóa thi pháp thơ. Nhưng cũng vì vậy mà trong cái bông đùa, cà rỡn có sự thăng hoa của đau xót miền trường; trong cái hồn nhiên có sự uyên uẩn, nhức nhối của trí tuệ; trong điên loạn, cuồng say có sự mộng mơ và mê đắm của cõi tình. Tất cả những

ngịch lý trên chính là *tâm thức hiện sinh* của Bùi Giáng trên từng chặng hành trình sống và hành trình thơ”.

Đỗ Lai Thúy đã không ngần ngại khi nhận xét: Bùi Giáng tiếp thu chủ nghĩa hiện sinh của J-P.Sartre, A.Camus, K.Jaspers... một cách trực tiếp và đồng thời, khi nó còn đang sống động và đang phát triển. Rồi từ triết học hiện sinh đi đến hiện tượng luận, sau đó hiện tượng luận hiện sinh của Heidegger. Bùi Giáng, chủ yếu, đi đến với triết học Heidegger bằng trải nghiệm riêng của mình.

Đến nay, vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống và đầy đủ về *Dấu ấn hiện sinh trong thơ Bùi Giáng*. Vì thế, nếu đề tài này thực hiện thành công, nó sẽ góp thêm tiếng nói khẳng định về quan niệm mới của nhà thơ khi khám phá cuộc sống, con người cũng như những nét đặc sắc của dấu ấn hiện sinh trong thơ Bùi Giáng. Trên cơ sở đó, nhận diện phong cách thơ Bùi Giáng, đánh giá những nỗ lực cách tân thơ và vị trí của Bùi Giáng trong nền thơ ca Việt Nam hiện đại.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu:

Dấu ấn hiện sinh trong thơ Bùi Giáng trên một số phương diện của cái tôi trữ tình và những phương thức biểu hiện.

3.2. Phạm vi nghiên cứu:

Những tập thơ của Bùi Giáng xuất bản và tái bản trong nước sau 1975. Bên cạnh đó, luận văn có tham khảo thêm một số tập thơ của Bùi Giáng xuất bản trước năm 1975 và ở nước ngoài.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp hệ thống - cấu trúc

4.2. Phương pháp phân tích - tổng hợp

4.3. Phương pháp so sánh - đối chiếu

5. Đóng góp của luận văn

Tìm hiểu và nhận diện dấu ấn hiện sinh trong thơ Bùi Giáng. Góp thêm tiếng nói khẳng định về những đóng góp và vị thế của nhà thơ trong tiến trình vận động và phát triển thơ Việt Nam hiện đại.

Luận văn đem đến một cái nhìn mới, cái nhìn tư tưởng, góp phần làm cho thế giới thơ Bùi Giáng đa chiều, đa diện hơn. Từ đó thấy được sức lan tỏa, những ảnh hưởng và giá trị của thơ Bùi Giáng với một niềm hy vọng thơ ông mãi trường tồn.

6. Bố cục luận văn

Ngoài phần *Mở đầu*, *Kết luận* và *Tài liệu tham khảo*, *Nội dung* luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1: Dấu ấn hiện sinh trong văn học Việt Nam hiện đại và hành trình sáng tạo nghệ thuật của Bùi Giáng.

Chương 2: Dấu ấn hiện sinh trong thơ Bùi Giáng nhìn từ cái tôi trữ tình.

Chương 3: Dấu ấn hiện sinh trong thơ Bùi Giáng nhìn từ phương thức biểu hiện.

CHƯƠNG 1

DẤU ẤN HIỆN SINH TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI VÀ HÀNH TRÌNH SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT CỦA BÙI GIÁNG

1.1. GIỚI THUYẾT KHÁI NIỆM

Chủ nghĩa hiện sinh là trào lưu tư tưởng xuất hiện đầu tiên ở Đức và phát triển mạnh mẽ ở Pháp vào ba thập kỉ 50 - 70 của thế kỉ XX. Chủ nghĩa hiện sinh trải qua nhiều chặng đường, mang nhiều biến thể khác nhau, nhưng vẫn hội tụ một vấn đề trung tâm - vấn đề nhân vị.

Với quan niệm “hiện hữu có trước bản chất”, chủ nghĩa hiện sinh đã được mọi người, nhất là thanh niên, lớp người nhiều lo âu về thân phận mình, chào đón nồng nhiệt.

Chủ nghĩa hiện sinh đã ảnh hưởng trực tiếp và sâu sắc đến văn học nghệ thuật. Các nhà hiện sinh thế kỉ XX không chỉ trình bày những quan điểm lý luận tư biện thuần túy bằng sách báo mà còn bằng các hình thức tác phẩm văn chương: truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch, nghiên cứu văn học.

Ở miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954 - 1975, chủ nghĩa hiện sinh đã có những ảnh hưởng tới mọi mặt của đời sống và văn học nghệ thuật. Từ đó hình thành một đội ngũ khá đông đảo những nhà nghiên cứu về chủ nghĩa hiện sinh và những tác phẩm văn học mang dấu ấn hiện sinh.

1.2. DẤU ẤN HIỆN SINH TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

1.2.1. Giai đoạn trước 1975

Hầu hết các phạm trù của triết học hiện sinh: vong thân, tha hoá, buồn nôn, phi lý, dấn thân, gia nhập, tha nhân, nổi loạn, cô đơn, hư vô... đều được ứng dụng thành hệ quy chiếu để xem xét các tác phẩm

văn học. Nhiều công trình nghiên cứu về văn chương truyền thống từ "tọa độ hiện sinh" đã mang đến cho văn chương những giá trị mới mẻ.

Trong sáng tác văn học đô thị miền Nam 1954 - 1975, chủ nghĩa hiện sinh đã để lại dấu ấn trên tất cả các thể loại, nhưng sâu đậm nhất vẫn là tiểu thuyết và thơ ca. Tiểu thuyết thời kì này “không chỉ phản ánh hiện thực” mà “suy ngẫm về hiện thực,” “áp sát hiện thực”. Nó đi vào thân phận cá nhân với tư cách là nhân vị. Thơ ca trĩu nặng nỗi buồn đau về sự mong manh, hư vô của kiếp người và cái chết, sự đổ vỡ của niềm tin và mơ ước. Các nhà văn, nhà thơ tiêu biểu: Thanh Tâm Tuyền, Duyên Anh, Nguyễn Thị Hoàng; Bùi Giáng, Du Tử Lê, Nguyễn Sa,...

1.2.2. Giai đoạn sau 1975

Sau chiến tranh, đặc biệt từ khi đổi mới 1986, đất nước có những biến chuyển quan trọng tác động sâu sắc đến tâm thức con người và ảnh hưởng đến sự vận động của văn học. Các quan niệm về tính chủ thể, về tự do, sự phi lí, về sự dân thân, nổi loạn... tỏ ra phù hợp để lí giải và nhận diện con người thời kì này.

Với tiểu thuyết, các nhà văn như Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Nguyễn Bình Phương, Nguyễn Việt Hà, Tạ Duy Anh, Hồ Anh Thái... gặp gỡ nhau ở ý thức mô tả kiểu nhân vật lạc lõng, cô đơn giữa một thế giới phẳng, con người khước từ, đánh mất sự hiện hữu để dần thân vào hành trình truy tìm bản thể. Với thơ ca, dấu ấn hiện sinh cũng đang là một dòng chảy trong thơ của các nhà thơ trẻ đương đại như: Ly Hoàng Ly, Vy Thùy Linh, Phan Huyền Thư, Nguyệt Phạm,... Nỗi buồn, niềm cô đơn, sự khủng hoảng, thiếu vắng niềm tin... không ngăn trở các nhà thơ trẻ tiếp tục một hành trình nghiên ngẫm nỗi niềm nhân tâm thế sự từ góc nhìn mới của đời

sống hiện tồn.

Có thể nói, thời kỳ đổi mới cũng tạo môi trường cho phép con người giải phóng cái tôi cá nhân của mình và nhận thức lại đúng với ý nghĩa, giá trị của nó. Con người được quan tâm một cách toàn diện hơn, những nhu cầu thể sự, đời tư cũng như những phương diện thuộc về đời sống tâm linh, vô thức được chú ý nhiều hơn.

1.3. QUAN NIỆM NGHỆ THUẬT VÀ HÀNH TRÌNH SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT CỦA BÙI GIÁNG

1.3.1. Bùi Giáng và hành trình sáng tạo

Bùi Giáng bắt đầu sáng tác vào cuối năm 50 thế kỷ XX. Ông để lại một khối lượng tác phẩm đồ sộ với rất nhiều thể loại, từ thơ, sách dịch đến phê bình, tiểu luận... Suốt hành trình sáng tạo nghệ thuật kéo dài hơn nửa thế kỷ, ông đã tạo ra phạm vi ảnh hưởng lớn với văn học Việt Nam ở miền Nam trước 1975.

Bùi Giáng tiếp cận rất sớm với văn hóa, văn học của phương Tây, nắm bắt nhanh chóng hệ thống lý thuyết phương Tây về chủ nghĩa hiện sinh, chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tượng trưng, siêu thực, phân tâm học Freud, v.v... ông đã để lại nhiều dấu ấn trong các dịch phẩm với lối chuyển dịch khoáng đạt, bay bổng. Ông viết khảo luận về triết học hiện sinh, đối thoại với Heidegger, Camus, Sartre,... về văn học nghệ thuật. Bên cạnh các giảng luận về: *Bà Huyện Thanh Quan, Lục Vân Tiên...*, Bùi Giáng đã để lại một số lượng dồi dào và phong phú những bản chuyển ngữ đậm chất văn chương. Có thể kể đến những tác phẩm tiêu biểu: *Cõi người ta* (Saint Exupéry), *Trăng tỳ hải* (Albert Camus), *Khung cửa hẹp* (André Gide), *Hoa ngô hạnh* (W. Shakespeare)....

Ngoài ra, Bùi Giáng thành công ở những công trình biên khảo

và sáng tác văn xuôi. Có thể kể ra ở đây: *Tư tưởng hiện đại 1, 2 và 3* (1962), *Martin Heidegger và Tư tưởng hiện đại 1 và 2* (1963); *Sao là không có triết học Heidegger* (1963)...

Song, phần quan trọng nhất trong văn nghiệp của Bùi Giáng chính là thơ. Tính cho đến nay gần 20 tập thơ của Bùi Giáng được xuất bản. Thơ của Bùi Giáng mang nhiều giá trị lớn, để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc.

Có thể nói, Bùi Giáng đã đi trọn hành trình sáng tạo nghệ thuật của mình. Một hành trình sáng tạo dài, đa diện, đa chất.

1.3.2. Quan niệm nghệ thuật của Bùi Giáng

Với Bùi Giáng, sáng tạo là hành trình “vượt thoát” tinh thần đồng thời cũng là sự “tận hiến” của người nghệ sĩ.

Là nhà thơ và là nhà tư tưởng uyên bác, Bùi Giáng ý thức rất cao về sáng tạo nghệ thuật. Ông có ý hướng phóng thể văn chương rất rõ. Bùi Giáng không định nghĩa thơ bằng lối nói luận lý mà bằng những chiêm nghiệm thực tế sáng tác, thi sĩ nhận ra thơ là “cõi phiêu bồng”, cũng chính là kết tinh của chiêm bao lãng đãng. Với Bùi Giáng, thơ là hàm ngôn, nhưng có lúc lại vô ngôn, nhưng là vô ngôn của sự bùng nổ về tư tưởng nhân sinh. Trong ông, thơ là cõi huyền nhiệm, kỳ bí đến bất ngát, mênh mông của tâm tưởng và tư tưởng mà chỉ có loài thi sĩ mới đạt đến và đem thông điệp cho người đời cùng ngẫm nghĩ.

Bùi Giáng quan niệm thơ là nghệ thuật tinh túy của ngôn từ chảy tràn ra từ những siêu thăng trong tâm hồn, tiềm thức và vô thức. Thơ là lời vượt thoát cốt trở về với nguồn cội đời sống tại - thể - người. Đây có thể được coi là quan niệm thi ca cốt lõi, một thứ triết - mỹ rất riêng.

Bùi Giáng còn khơi mở thể tính mới cho thi ca và đưa thơ ca hướng đến cái vô cùng của cuộc sống bằng cách khơi sâu vào những tầng bậc cảm thức trong vô thức, tiềm thức con người. Từ đó, tiếng thơ ông đạt đến sự huyền nhiệm, vi diệu nhưng đồng thời còn có sự thanh thoát, phiêu bồng, mê say trong hình tượng thơ.

Bùi Giáng có những quan niệm riêng của mình về nhà thơ. Ông quan niệm: sáng tạo nghệ thuật là một vấn đề không những có ý nghĩa về mặt lý luận mà còn có ý nghĩa về thực tiễn. Người làm thơ trước hết là một con người đến với mảnh đất trần gian nhiều quyền rũ và gay cấn này để sống trọn, uống trọn những mật ngọt lẫn đắng cay của cuộc đời bằng một tinh thần vô ưu, vô cầu. Để làm một thi sĩ, con người phải ném trái mọi thăng, trầm khốc liệt trong cuộc tại thế.

Bùi Giáng quan niệm về vai trò của nhà thơ với ý nghĩa đầy đủ, tuyệt đối và cao đẹp. Ông nói về thiên chức nhà thơ giản dị như bao bản mệnh tự nhiên đời sống vốn có: thi sĩ là người làm thơ. Và ông đặt yêu cầu về sứ mệnh phụng hiến đầy cao cả, toàn vẹn trước cuộc đời đối với con người mang hai tiếng: thi nhân.

Với quan niệm sáng tạo nghệ thuật độc đáo của mình, Bùi Giáng quả là một thi nhân đã tận hiến cho cuộc sống bằng tất cả tinh thần chân thiết nhất, bằng con đường nghệ thuật thi ca.

CHƯƠNG 2

DẤU ẤN HIỆN SINH TRONG THƠ BÙI GIÁNG NHÌN TỪ CÁI TÔI TRỮ TÌNH

2.1. CÁI TÔI HOÀI NIỆM CHIÊM BAO

2.1.1. Đi tìm “hồn nguyên tiêu và màu hoa trên ngàn”

Bùi Giáng đã có những tháng ngày sống đẹp đẽ. Với ông, đó là ngày tháng “nhi nhiên”, là thuở ban đầu, là thời gian không bao giờ quay trở lại. Vì thế, tác giả đã cố gắng tìm lại thời gian hiện sinh đã mất bằng sự níu kéo của tâm thức non tươi, đầy khát vọng.

Ông chọn mùa xuân làm nguyên khởi cho thời gian, cho bí ẩn tinh khôi của cõi lòng và chọn cách sống giao hòa, trải lòng với thiên nhiên, bởi thiên nhiên với con người luôn có sự giao hòa kỳ diệu giữa hiện tại, quá khứ và tương lai. Đây có thể coi là một cái nhìn hiện sinh mới mẻ trong thơ Bùi Giáng.

Hình tượng "cổ quận", nơi Bùi Giáng được sinh ra và lớn lên cùng những rung cảm đầu đời được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong thơ ông. Cho thấy, với ông, cổ hương ấy không bao giờ là xa cánh ngay cả trong chiêm bao, mộng mị.

Trong tâm hồn Bùi Giáng, cảm giác tha hương, nỗi sầu xa xứ đã thành một ám ảnh. Trong cuộc tồn sinh của mình, dù quê hương hay “cổ quận” đó có được hiểu như thế nào đi nữa thì ông cũng đã "chết nhiều lần trong trận sống". Đo đếm gì cũng không qua được số mệnh đời người. Cách duy nhất có thể lựa chọn là dẫn thân để đi hết hành trình cuộc sống.

2.1.2. Hoài vọng về tình yêu xa xôi

Trong thế giới chiêm bao, hoài niệm của Bùi Giáng, cái tôi trữ tình mang dấu ấn hiện sinh được thể hiện đậm nét với nỗi niềm khắc

khỏi trên địa phận tình yêu. Cái tôi ấy đã trải mình trong nhiều cung bậc yêu thương, chạm vào những không gian nhớ nhung thành thật, những lí lẽ tình yêu sâu sắc và những miền tâm thức của con người.

Bùi Giáng đã thật sự yêu và đau khổ, từ người tình thứ nhất thuở hoa niên đến người vợ trẻ yêu quý, người con gái Long Xuyên hay Kim Cương kỳ nữ... đều đã thành hiện thân của những chấn thương tình ái trong ông. Vì vậy, nỗi hoài vọng về một tình yêu xa xôi trong tâm hồn Bùi Giáng chính là những biểu hiện của cái tôi hiện sinh chiêm nghiệm về số phận tình yêu.

Tình yêu trong thơ Bùi Giáng vừa quen vừa lạ. Bởi nó vừa ngọt ngào, vừa mặn chát bẽ bàng, lại vừa thực vừa mộng, vừa đời vừa đạo. Đó là thứ tình yêu lưỡng phân nhuộm màu hiện sinh, được biểu hiện bằng cái tôi trữ tình luôn hoài niệm hình bóng yêu thương trong vô vọng. Đó là lời tự hát vọng tràn cung âm buồn của sự đổ vỡ, mất đau, của hồ nghi tiền định góp phần thể hiện bản sắc riêng của cái tôi trữ tình trong thơ Bùi Giáng.

2.2. CÁI TÔI HOÀI NGHI BẢN THỂ

2.2.1. Cuộc đời là chuỗi nghi vấn

Bùi Giáng đã từng trải qua những giây phút hạnh phúc, đau khổ, hoang mang, xót xa, hoài nghi, tuyệt vọng,... Cũng như các nhà tư tưởng hiện sinh khác, Bùi Giáng luôn day dứt ám ảnh về ý nghĩa của sự hiện hữu. Những nghi vấn, hoài nghi mang tính bản thể người luôn hiện diện trong thơ ông. Đó là những lời vấn đáp về ý nghĩa cuộc đời, lẽ tồn sinh, những chuyện phù du, dâu bể, những trầm luân, biến đổi của cuộc đời hiện tồn...

Nếu trường phái hiện sinh bác bỏ tính chất định mệnh, thì ở Bùi Giáng, định mệnh và hiện sinh giao hưởng với nhau tạo thành một

cấu trúc tư tưởng mới. Bên cạnh đó, ông đã tạo nên một môtip bạc mệnh thời hiện đại, với màu sắc siêu thực, tài tử và tài hoa.

Có thể nói, thơ Bùi Giáng là lời độc thoại và vấn đáp xoay quanh tình yêu và thân phận, lẽ sinh tồn trong cuộc sống bể dâu đầy khắc nghiệt. Nếu hoài nghi trong văn học được coi là động lực của sự phát triển, là cách “nhận thức lại, đánh giá lại mọi thứ” (Bakhtin) thì rõ ràng, Bùi Giáng, bằng tận cùng sự hoài nghi, sự dằn vặt của mình để tạo ra một thế giới riêng không thể lẫn với một người nào khác.

2.2.2. Sống như một sự lưu đày

Ảnh hưởng tư tưởng hoài nghi của chủ nghĩa hiện sinh, Bùi Giáng mang phận lưu đày trong cuộc sống và trong thi ca của chính mình. Vốn là kẻ yêu đời hồn nhiên và mơ mộng, Bùi Giáng đã tự hóa giải những khổ đau hệ lụy của đời mình để hiện tồn.

Trong thơ Bùi Giáng, cái tôi trữ tình vừa thể hiện sự hy vọng, dẫn thân, mơ mộng đã nhanh chóng chuyển qua trạng thái ưu tư, bất tín để sau đó cái tôi ấy chìm vào cô đơn và hư vô, cảm thấy mình bị ảm ức, bị lưu đày. Coi cuộc đời là cõi tạm, sống như một cuộc chơi, Bùi Giáng đã an nhiên tự tại, phóng ngoại để sống thực. Ông đã tự lưu đày mình trong cái hữu hạn trần gian, vượt thoát lên hai bờ sống chết, cầu tìm lại bản thể của mình. Chiêm bao thường được Bùi Giáng sử dụng như một phương thức cứu rỗi, để cái tôi tự an ủi.

Bùi Giáng chiêm nghiệm về cõi người ở nhiều góc độ, nhiều quan hệ, nhiều tâm thế và nhiều triết lý. Nếu các nhà văn hiện sinh quan niệm: “Tôi phản kháng, vậy tôi hiện hữu” thì Bùi Giáng lại khẳng định: “Tôi phá hủy, vậy tôi hiện hữu”. Nói như Đào Hiếu: “Ông phá hủy thơ ông, phá hủy đời ông. Và ông phá hủy chính ý nghĩa của sự phá hủy đó”

2.3. CÁI TÔI TẠI THỂ BƠ VƠ

2.3.1. “Rong chơi một đời”

Được mô tả như một “thái độ hiện sinh” với tình trạng mất định hướng, bối rối trước thế giới có vẻ vô nghĩa và phi lý, thơ Bùi Giáng mang dấu ấn hiện sinh rõ nét với kiểu “rong chơi Bùi Giáng” và niềm đau cô đơn tận cùng của tâm hồn ông.

Bùi Giáng đã có một cuộc rong chơi bất tận, ông xuôi ngược trần gian, rong ruổi trong thơ, trong tư tưởng và trong cả cõi tình, cõi mộng... Đây là cách để Bùi Giáng tìm kiếm chút đồng cảm trong kiếp sinh tồn.

Bùi Giáng thấy rõ sự thiệt thòi, mất mát của cái rong chơi phiêu bồng, nhưng nhà thơ nghiêm nhiên tuân thuận theo những chuyến duỗi rong. Với những cuộc rong chơi bất tận trong cuộc đời, có thể thấy Bùi Giáng không đứng ở hiện tại, “Ông sống tại thể bơ vơ, khi tận cùng dĩ vãng, lúc chót vót tương lai”.

Bùi Giáng rong chơi trong tư tưởng. Ông rong chơi để quên niềm thống khổ, để tất cả trôi đi như đang là hạnh phúc. Nhưng đằng sau những cuộc rong chơi của Bùi Giáng là cái buồn nhân sinh, cái buồn trong "cõi người ta".

2.3.2. Niềm đau cô đơn

Bùi Giáng đau nỗi đau cô đơn đến cùng tận. Nếu nỗi buồn của Huy Cận: “*Một chiếc linh hồn nhỏ/ Mang mang thiên cổ sầu*” là nỗi buồn của quá trình lắng nghe tinh tế nhịp sâu vũ trụ và nỗi buồn nhân gian, là sự ý thức về thân phận con người được kết tinh thì ở Bùi Giáng đó là nỗi buồn đau chất chứa trong tận cùng bản thể.

Cái tôi trong thơ Bùi Giáng gói trọn niềm cô độc cố hữu của con người ông. Cái tôi ấy đắm áp nỗi niềm bơ vơ đến tận cùng hoang liêu và đau đớn.

Thơ Bùi Giáng đầy ắp dư âm da diết, khắc khoải của một cõi lòng, một trái tim mang nỗi buồn thế nhân không có người san sẻ. Chính từ nỗi đau của bản thân, Bùi Giáng đã tìm thấy nơi Nguyễn Du niềm đồng cảm sâu sắc về ý nghĩa bi thương của kiếp người, về phận người bị dập vùi trong dâu bể.

Đau nỗi đau cô đơn, Bùi Giáng nhìn đời với mắt hiện sinh, nặng chất bi quan nhưng không hề tuyệt vọng. Đây có lẽ là điểm đặc biệt của Bùi Giáng. Cái bi kịch kinh khủng nhất và thê thiết nhất của Bùi Giáng là tác phẩm của mình, tiếng nói của mình, tiếng gào của mình, tấm lòng của mình, tâm huyết của mình... không dễ được người cùng thời nghe ra, nhận ra.

Bùi Giáng làm kẻ lữ hành cô đơn, một mình một bóng, trên cõi đời, ngay trên quê hương mình, bên đồng loại: *"Đi là đi biệt từ khi chưa về"*. Thơ và đời ông đều là niềm tâm sự sâu kín, ông không muốn bộc bạch khi không ai thấu hiểu mình.

2.4. CÁI TÔI DẪN THÂN NỖI LOẠN

2.4.1. Sống bằng sự "Điên rồ lấy lòng"

Cái "điên" của Bùi Giáng là kết quả của con người nổi loạn, siêu việt. Đó là cái "điên" sáng suốt trong một tình thế không có cứu cánh nào khác nếu không tìm về bản thể của con người. Bùi Giáng ý thức rõ trạng thái "điên" của mình, thơ ông là sự dẫn thân quyết liệt vào cái điên như một trải nghiệm hiện sinh.

Bằng cả ý thức và vô thức, Bùi Giáng đã dùng cái "sự điên" của mình một mặt để vượt thoát khỏi mọi can thiệp của cái xã hội vốn quyền uy và thực dụng; mặt khác, nhằm gửi sự minh triết đến cho mọi người, nhất là những con người bình thường.

Nhìn từ quan niệm triết học hiện sinh, Bùi Giáng có thể được coi là người đi xa nhất trong hành động tự hủy và hành xác. Suy đến

cùng, cái “điên” của Bùi Giáng là hồn phách của cái tôi mang giá trị nhân bản, đúng như tinh thần của chủ nghĩa hiện sinh: “không phải bằng cách quay về với chính mình mà bao giờ cũng bằng cách tìm ra ở ngoài mình một mục đích tức là giải phóng nào đó, sự thực hiện yêu cầu riêng biệt nào đó, thì chính khi đó con người sẽ tự thực hiện được tư cách người”.

2.4.2. Chết cũng là “sống đời ý nghĩa”

Trong triết lý hiện sinh của mình, J.P.Sartre cho rằng “hữu thể là một thảm kịch, là phi lý, hư vô, con người luôn cô đơn và cái chết luôn hiện diện”. Con người hiện sinh trong thơ Bùi Giáng là con người tỉnh ngộ, dám nhìn thẳng vào sự thật với nhãn quan, với khả năng của mình. Ở đó cái tôi phơi bày ý thức mãnh liệt về sự tồn tại của mình, không sợ hãi, chối từ cái chết. Bởi với Bùi Giáng cái chết là một trò chơi. Bùi Giáng chơi cái chết. Chết để đi - về kết nối. Chết để nối kết xưa - sau và để nối kết với sự sống.

Bùi Giáng ý thức rất rõ sự khác biệt giữa cái không tồn tại của thể xác với sự bất tồn về mặt tinh thần trên cõi dương gian. Chính vì thế, ông đã “tập” chết không biết bao nhiêu lần. Thậm chí ông còn đùa giỡn với cái chết như ông đã từng giỡn đùa với cái sống. Đối với ông sống hay chết đều bình đẳng, có nghĩa và cũng vô nghĩa như nhau.

Cái chết là một bi kịch, là sự phi lý, bởi khi con người hiểu được bản chất thật của mình cũng là lúc con người không còn được là mình. Khởi nguồn từ cảm thức bản mệnh của hiện sinh, cái tôi trong thơ Bùi Giáng coi cái chết như một định mệnh chờ đợi con người. Để sống trong sự trì hoãn thời gian chờ chết, cái tôi trữ tình Bùi Giáng hiện ra bằng nhiều hình hài. Và dần thân là cách duy nhất của tâm hồn Bùi Giáng để đi hết hành trình cuộc sống.

CHƯƠNG 3

DẤU ẤN HIỆN SINH TRONG THƠ BÙI GIÁNG NHÌN TỪ PHƯƠNG THỨC BIỂU HIỆN

3.1. NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT

3.1.1. Ngôn ngữ đậm chất đời thường

Trong thế giới thơ Bùi Giáng, lớp ngôn ngữ thể tục đã góp phần làm mới ngôn ngữ thơ và làm cho thơ gần hơn với cuộc sống con người. Bùi Giáng đã sử dụng từ ngữ mang phong cách khẩu ngữ với tần số cao: “chết điếng”, “vén xiêm”, “nghĩ mà kinh”, “nhe răng”, “ù té”, “thì thôi”, “quái gì”, “sực nhớ”,...

Với tài năng của mình, Bùi Giáng còn làm cho những từ ngữ “lắm lem bụi đời” trở nên đầy sống động và tự nhiên, làm cho câu thơ trở nên mộc mạc, gần gũi, đa thanh và đậm chất đối thoại. Những trợ từ, hô ngữ trong phong cách khẩu ngữ cũng được nhà thơ sử dụng thật đắc địa. Bên cạnh đó, Bùi Giáng đã dùng lời ăn tiếng nói của quê hương xứ sở mình làm chất liệu thi ca.

Với quan niệm ngôn ngữ phải gắn liền với đời sống, biến đổi đời sống, thậm chí là bản thân đời sống, Bùi Giáng đã biến nó thành những uyển ngữ, nhả ngữ đậm tính hài hước dí dỏm bằng cách nói lái, sử dụng điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ... trong thơ, coi đó như một cách độc đáo để phản ánh đời sống hiện thực.

3.1.2. Ngôn ngữ đậm chất văn hóa triết học

Bùi Giáng là nhà thơ, nhà tư tưởng, cũng là nhà lý luận nên ngôn ngữ trong thơ ông mang tính tư tưởng, bác học và đậm chất văn hóa, triết học. Trong thơ Bùi Giáng, chất văn hóa dân gian kết hợp với văn hóa phồn thực phương Đông tạo ra nét riêng - làm nên “hiện tượng” Bùi Giáng. Thơ Bùi Giáng gây ấn tượng mạnh về sự táo bạo trong việc thể hiện *biểu tượng phồn thực* với đa dạng hình ảnh liên

tạo: *cồn, môi, vành cong, cái lá, cỏ...* Bùi Giáng tả trực tiếp bằng lối trực ngôn và chơi chữ. Hàng loạt từ ngữ được nhà thơ sử dụng: “chết lịm”, “trần truồng”, “mặc quần”, “hôn”, “ghì hôn”,... tạo nên sức ám gợi đặc sắc.

Văn hóa Phật giáo cũng được gợi ra từ những lớp từ mang âm hưởng Phật giáo, những: “tồn hoạt đồ xiêu”, “trăng thờ trước”, “sóng ngàn sau”... được Bùi Giáng sử dụng trong thơ như một phương diện nhìn nhận cuộc sống. Bên cạnh đó, ta còn bắt gặp trong thơ Bùi Giáng lớp ngôn ngữ triết học.

Để thể hiện chất văn hóa, triết học trong thơ, Bùi Giáng đã sử dụng rất nhiều từ Hán Việt bên cạnh từ thuần Việt. Ngôn ngữ Truyện Kiều xuất hiện dày đặc trong thơ ông. Không những thế, ngôn ngữ trong thơ Bùi Giáng còn mang cái hồn lục bát lung linh vời vợi mà theo ông, lục bát Việt Nam là cõi thi ca “hoàng viễn nhất, kỳ ảo nhất của năm châu bốn biển, ba bể sông hồ”.

3.2. GIỌNG ĐIỆU NGHỆ THUẬT

3.2.1. Giọng cợt nhả, bông đùa

Giọng điệu cợt nhả, bông đùa tạo sắc thái riêng cho thơ Bùi Giáng. Giọng điệu này thường xuất hiện với những câu thơ có nhiều từ hình tượng, từ mang sắc thái biểu cảm.

Bùi Giáng đã bốn cợt trào lộng với hết thầy thế giới chung quanh bằng cái bốn cợt trào lộng “cười ra nước mắt”. Đây là cách để thi nhân thoát khỏi bế tắc và tuyệt vọng trước dửng dưng của đồng loại. Từ sâu thẳm tâm thức, Bùi Giáng coi đùa giỡn như một sự thấu triệt lẽ bất sinh bất diệt, sự chuyển biến luân hồi của cuộc đời, lẽ tồn sinh, những chuyện phù du, dâu bể... nên tất cả đã được ông đem ra bốn cợt.

Giọng điệu này mang lại hiệu quả thẩm mỹ cao bất ngờ cho thể giới thơ Bùi Giáng. Nó không chỉ góp phần gọi lên trong người đọc những liên tưởng thú vị mà còn có khả năng hóa giải những bi kịch của con người, cuộc đời.

3.2.2. Giọng tâm tình

Thơ Bùi Giáng là tiếng nói tâm tình, tiếng cười, tiếng khóc... nửa như an ủi, cảm thông, nửa như khẳng định, đề cao nhân sinh tạo được sự lay động cảm xúc mạnh mẽ trong lòng người đọc.

Mỗi bài thơ được Bùi Giáng viết ra như để tự bộc bạch hoặc nói với ai đó về nỗi lòng mình, giọng điệu ấy thấm đượm chất dân già, thật gần với ca dao người Việt.

Giọng điệu tâm tình trong thơ Bùi Giáng chính là niềm ray rứt không nguôi của nhà thơ về tình trạng cô đơn bé nhỏ, cùng sự bơ vơ thiếu vắng điểm tựa của con người giữa cuộc đời đồng thời cũng là sự khao khát được cảm thông, chia sẻ.

3.2.3. Giọng triết lý chiêm nghiệm

Thơ Bùi Giáng thấm đẫm giọng điệu triết lý, chiêm nghiệm. Đó là niềm day dứt hiện sinh có sức ngân vọng trong một bản nhạc mà những nốt thăng, trầm quen thuộc là các triết lý về: lựa chọn, hành động, dấn thân, chân lý, niềm tin và ngụy tín...

Giọng thơ triết lý Bùi Giáng hướng đến cuộc sống con người, thể hiện những cảm nhận sâu sắc về cuộc đời, được rút ra từ sự chiêm nghiệm và vốn sống của chính ông.

Thể giới thơ Bùi Giáng đầy ắp những trải nghiệm, suy ngẫm triết lý về bản thể. Bằng giọng thơ đầy trải nghiệm, thi nhân đã bộc lộ một cách tha thiết, trọn vẹn ý thức sâu xa về sự hữu hạn của kiếp người, của lẽ hợp tan. Giọng triết lý trong thơ Bùi Giáng vì thế giúp ông chạm đến những vấn đề sinh tử của con người.

3.3. MỘT SỐ BIỂU TƯỢNG NGHỆ THUẬT

3.3.1. Cố quận – miền hoài niệm

“Cố quận” là một biểu tượng đặc sắc trong thơ Bùi Giáng. “Cố quận” là cố hương, là làng quê cũ. Theo nghĩa đó, trong thơ Bùi Giáng, “cố quận” hiện lên như một sự hoài niệm về miền đất đã xa, về con người, về ước vọng... hơn là một thực tại.

Với Bùi Giáng, “cố quận” là nơi ông sinh ra và lớn lên, nơi ông có những rung cảm đầu đời trong chia biệt mù sương. “Cố quận” là cõi sống liên quan đến khởi nguyên, cõi tĩnh mật ban đầu. Ở bề sâu triết học nó là cái Nhất Nguyên Thể Luận, cái “sơ nguyên”, “nguyên xuân”, “nguyên tiêu” khởi thủy.

“Cố quận” trong thơ Bùi Giáng còn là đồng ruộng quê hương, làng xóm cũ Quảng Nam với những nét đẹp nguyên sơ tinh khiết. Nó gắn liền với chiêm bao như một ám ảnh thường trực, cho thấy hồn quê thấm đẫm chứa chan trong con người thi nhân, rất chân thành nhưng lại đau đáu miên man nỗi niềm của kiếp người tại thế.

Trở về với “cố quận”, ta còn bắt gặp thấp thoáng những dung nhan phiêu bồng xa xôi như “tiên nga, tổ nữ”, rồi trở về “Nguyên lý Mẹ”. Những hình ảnh ấy xuất hiện thường xuyên trong đời thơ Bùi Giáng, làm dịu mát tâm hồn thi sĩ trong cõi đời thực đầy đau thương.

3.3.2. Mộng – hư ảo của kiếp người

Trong thơ Bùi Giáng, “mộng” là cõi sống hoặc là một trạng thái tình cảm chứ không phải là một hoạt động của vô thức thường áp đến trong giấc ngủ say. Nhà thơ hình như luôn ở trong trạng thái lưỡng phân, chập chờn giữa cõi mơ và cõi thực.

“Mộng” là *giác mộng*, *giác mơ* - những “giác mộng” trùng điệp làm nên cả một *trường mộng* tạo ra một thế giới huyền diệu; mộng

gối mộng, chiêm bao nối tiếp chiêm bao trong một cõi mộng mơ hư ảo.

“Mộng” trong thơ Bùi Giáng tồn tại trong một không gian đặc biệt: “mộng giữa nguồn”, “mộng giữa hoa tâm”, “mộng trong tay”, “mộng trong sương”... với cách biểu đạt cụ thể, sinh động: “mộng hờ”, “mộng rơi”, “mộng úa”, “mộng thừa”, “mộng hoa”, “mộng hoang phé”... gọi lên một thế giới úa tàn, hoang phé. Con người trong thế giới ấy cảm nhận một cách rõ ràng sự hư vô của hữu thể.

Trong thơ Bùi Giáng “mộng” còn được cấp thêm những hàm nghĩa mới, có khi là một nỗi sầu trải rộng khắp không gian, trời biển, bủa vây lấy lòng người; có lúc lại là một tâm trạng cô đơn đến tột bậc; khi lại là một trạng thái êm nhẹ, thanh thoát.

3.3.3. Đuôi ươi – tinh thể người

Hình ảnh “đuôi ươi” xuất hiện trong thơ Bùi Giáng như một giác ngộ của ông về phận người, kiếp người, tinh thể người.

Trong thơ Bùi Giáng, “đuôi ươi” xuất hiện với lớp nghĩa đầu tiên hướng về nguồn gốc con người, sau đó là phận người. Qua hình ảnh đuôi ươi, thi nhân muốn bày tỏ niềm hoài vọng tìm lại thiên tính của con người khi chưa lập thành xã hội trong cõi trời đất Sơ Nguyên.

Sống giữa cuộc đời, Bùi Giáng đã tự dày vò mình trong hình hài "đuôi ươi", đầy niềm u hoài tiền sử của mình theo thời gian... Vì thế tinh thể người “đuôi ươi” Bùi Giáng đã đến với đời, và tự đọa đày trong nỗi đau cô đơn, trong tại thế bơ vơ vì cảm thấy nhỏ bé trước rộng lớn của Vũ Trụ. Để chứng minh sự có mặt đấy, ông luôn luôn đòi hỏi về phần mình cái nguyên có đầu tiên của lẽ sinh tồn.

KẾT LUẬN

Với tiền đề “hiện sinh có trước bản chất”, chủ nghĩa hiện sinh đã kêu gọi con người quay về với cá nhân mình, bởi không gì tha thiết với con người bằng chính con người. Bằng các quan niệm về tính chủ thể, về tự do, sự phi lí, về sự dấn thân, nổi loạn, chủ nghĩa hiện sinh đã đi vào văn học như một cách tiếp cận cuộc sống.

Tinh thần hiện sinh trong văn học, về cơ bản là sự kiếm tìm bản thể con người, coi con người là một nhân vị, luôn mang trong mình nỗi cô đơn, âu lo, bất an, hoài nghi... khi đối diện với những giới hạn và sự tồn tại của mình trong thế giới. Dưới ánh sáng của chủ nghĩa hiện sinh, sự trăn trở, lo âu của con người trong cuộc đời được văn học đề cập và nâng lên tầm nhận thức mới.

Bùi Giáng là hiện tượng đặc biệt trong nền thơ ca Việt Nam hiện đại. Ở Bùi Giáng, thơ ca và tư tưởng giao hòa với nhau trở thành nơi hội tụ của truyền thống và hiện đại, nơi gặp gỡ giao thoa từ nhiều luồng tư tưởng Đông - Tây, trong đó có dấu ấn của chủ nghĩa hiện sinh.

Ở phương diện cái tôi trữ tình, dấu ấn hiện sinh trong thơ Bùi Giáng thể hiện khá đậm nét qua cái tôi hoài niệm chiêm bao, cái tôi hoài nghi bản thể, cái tôi tại thể bơ vơ, và cái tôi dấn thân nổi loạn.

Bùi Giáng luôn bị ám ảnh bởi “cổ quận”, quá khứ; bởi những tháng ngày “nhi nhiên” tinh khiết, ban sơ cùng khát khao đi tìm cái “hồn nguyên tiêu và màu hoa trên ngàn”, hoài vọng về tình yêu xa xôi với nhiều cung bậc yêu thương, sâu muợn. Thế giới thơ Bùi Giáng là thế giới của cái tôi trữ tình mang nỗi hoài nghi bản thể hiện diện cụ thể bằng những nghi vấn, và nỗi ám ảnh của phận lưu đày trong cuộc sống, trong thi ca. Với tình trạng mất định hướng, bối rối

trước thế giới có vẻ vô nghĩa và phi lý, dấu ấn hiện sinh được thể hiện trong thơ Bùi Giáng bằng kiểu “rong chơi Bùi Giáng” và niềm đau cô đơn tận cùng của tâm hồn ông. Sự dẫn thân, nổi loạn của ông là một logic biện chứng dẫn dắt ông đi cùng thi ca một hành trình khá dài với tư tưởng hiện sinh siêu việt. Cái “điên” của ông thực chất là kết quả của con người nổi loạn, siêu việt và cái đích đến cuối cùng: chết cũng là sống đời ý nghĩa.

Nhìn từ phương thức biểu hiện, việc sử dụng ngôn ngữ của Bùi Giáng đã tạo ra trong thơ ông một nét riêng độc đáo. Cùng với việc kết hợp tài tình lớp ngôn ngữ đậm chất đời thường và lớp ngôn ngữ đậm chất văn hóa, triết học, Bùi Giáng không chỉ bộc lộ quan niệm nghệ thuật của mình, mà còn tạo được dấu ấn cá nhân, khẳng định được khuynh hướng sáng tác và phong cách thơ độc đáo.

Giọng cợt nhả bông đùa, giọng tâm tình và giọng triết lí chiêm nghiệm không chỉ làm nên giọng điệu đặc trưng cho thơ Bùi Giáng mà còn thể hiện quan điểm, cá tính sáng tạo của chính ông, từ đó giúp người đọc nhận diện được thị hiếu thẩm mỹ của chính người sáng tạo. Bên cạnh đó, việc tạo lập các biểu tượng nghệ thuật độc đáo cũng mở ra những tầng nghĩa mới cho ngôn ngữ thơ Bùi Giáng cả bề rộng lẫn chiều sâu. Cách làm này đã đem đến cho thơ Bùi Giáng một diện mạo riêng không trộn lẫn vào ai, gây nhiều bất ngờ và hứng thú cho độc giả.

Có thể khẳng định, dấu ấn hiện sinh đã góp phần tạo ra trong thơ Bùi Giáng các giá trị nhân đạo, nhân văn sâu sắc, thể hiện tư tưởng tích cực của ông đối với cuộc đời. Việc nghiên cứu dấu ấn hiện sinh trong thơ Bùi Giáng giúp người nghiên cứu hiểu rõ sự ảnh hưởng, chi phối văn học của các tư tưởng thời đại. Nó cũng mở thêm những

nhận thức mới về văn học, con người, cuộc sống và sự chuyển biến trong tư tưởng mỗi thế hệ nhà thơ, nhà văn.

Tuy nhiên thế giới nghệ thuật thơ Bùi Giáng còn rất nhiều vấn đề cần được khám phá như: ảnh hưởng lí thuyết của Phân tâm học (S. Freud) đối với thơ Bùi Giáng, tư tưởng Thiên - Phật trong thơ Bùi Giáng,... Tiếp tục tìm hiểu, khám phá các nội dung đó sẽ góp phần hiển lộ những giá trị còn ngậm ản trong thế giới thơ của con người tài hoa, “kì dị” này.